

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÝ I NĂM 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	3 - 4
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	5
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	7 - 29

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho quý I năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Trung Vũ	Chủ tịch
Ông Phạm Thanh Hưng	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Vui	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Hoàng Oanh	Ủy viên
Ông Chu Hữu Chiến	Ủy viên
Ông Vương Văn Tường	Ủy viên
Bà Nguyễn Minh Hồi	Ủy viên (Bổ nhiệm ngày 10/01/2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Chu Hữu Chiến	Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Anh Hương	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Minh Hồi	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý I năm 2022, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2022

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		4.357.555.864.483	4.083.706.309.433
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	73.571.365.307	122.548.870.942
1. Tiền	111		46.326.940.838	121.476.852.554
2. Các khoản tương đương tiền	112		27.244.424.469	1.072.018.388
				-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		778.402.004.609	1.462.567.883.188
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		778.402.004.609	1.462.567.883.188
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.052.437.169.950	1.977.094.074.896
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.159.139.560.455	583.736.128.112
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	208.606.502.806	266.047.480.201
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		253.760.700.000	103.760.700.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	1.486.035.618.989	1.078.654.978.883
5. Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137	8	(55.105.212.300)	(55.105.212.300)
III. Hàng tồn kho	140	9	425.640.203.821	501.891.740.357
1. Hàng tồn kho	141		425.640.203.821	501.891.740.357
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		27.505.120.796	19.603.740.050
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	26.841.047.336	17.511.528.426
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		284.250.449	1.723.656.915
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		379.823.011	368.554.709
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.640.079.080.973	2.187.167.948.518
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.231.391.195.021	1.765.115.858.333
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215		583.620.341.688	281.200.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	7	1.647.770.853.333	1.483.915.858.333
II. Tài sản cố định	220		221.561.210.025	234.841.299.318
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	136.963.210.149	140.475.482.080
- Nguyên giá	222		184.319.534.842	184.275.959.842
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(47.356.324.693)	(43.800.477.762)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	12	84.597.999.876	94.365.817.238
- Nguyên giá	228		159.473.104.213	159.473.104.213
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(74.875.104.337)	(65.107.286.975)
III. Bất động sản đầu tư	230		133.250.711.249	134.376.773.597
- Nguyên giá	231		135.127.481.829	135.127.481.829
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		(1.876.770.580)	(750.708.232)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		7.185.069.154	6.724.529.594
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	13	7.185.069.154	6.724.529.594
V. Tài sản dài hạn khác	260		46.690.895.524	46.109.487.676
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	46.690.895.524	46.109.487.676
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.997.634.945.456	6.270.874.257.951

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 01a-DN/HN

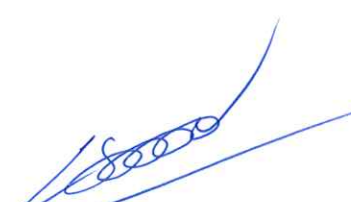
Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)

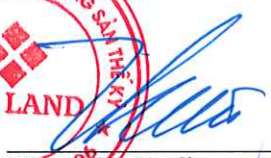
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.418.050.625.733	2.832.541.850.486
I. Nợ ngắn hạn	310		2.463.705.589.581	1.879.797.646.334
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	99.597.953.594	93.970.754.327
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	462.851.402.892	137.206.935.134
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	313	16	221.162.260.929	253.033.461.175
4. Phải trả người lao động	314		99.729.630.381	70.932.340.067
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	262.667.387.079	93.060.466.998
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		27.355.535.708	14.738.671.468
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	243.379.278.084	408.163.038.487
8. Vay ngắn hạn	320	19	1.021.526.237.011	765.747.374.775
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		25.435.903.903	42.944.603.903
II. Nợ dài hạn	330		954.345.036.152	952.744.204.152
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	4.345.036.152	2.744.204.152
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	19	950.000.000.000	950.000.000.000
3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.579.584.319.723	3.438.332.407.465
I. Vốn chủ sở hữu	410	20	3.579.584.319.723	3.438.332.407.465
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.015.995.570.000	2.015.995.570.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.015.995.570.000	2.015.995.570.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		149.799.450.000	149.799.450.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		54.125.000.000	54.125.000.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(1.080.000)	(1.080.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		99.974.426.913	99.974.426.913
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.236.206.060.677	1.091.343.550.880
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		1.090.715.116.170	632.269.051.845
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		145.490.944.507	459.074.499.035
7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		23.484.892.133	27.095.489.672
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.997.634.945.456	6.270.874.257.951


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng


Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**Quý I năm 2022**

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
			Năm 2022	Năm 2021
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	22	1.942.210.976.428	2.040.877.228.480
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		1.942.210.976.428	2.040.877.228.480
4. Giá vốn hàng bán	11	23	1.483.246.859.181	1.780.127.557.923
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		458.964.117.247	260.749.670.557
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	23.643.591.705	6.888.656.530
7. Chi phí tài chính	22		34.780.775.695	7.589.140.040
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		34.780.775.695	7.589.140.040
8. Chi phí bán hàng	25	24	198.523.298.222	42.781.367.204
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	66.776.472.082	61.024.597.489
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		182.527.162.953	156.243.222.354
11. Thu nhập khác	31		519.618.084	86.946.856
12. Chi phí khác	32		2.103.455.962	1.971.413.619
13. (Lỗ)/ Lãi khác (40 = 31 - 32)	40		(1.583.837.878)	(1.884.466.763)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		180.943.325.075	154.358.755.591
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	26	39.062.978.107	31.675.206.138
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		141.880.346.968	122.683.549.453
17.1. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông Công ty mẹ			145.490.944.507	123.232.426.476
17.2. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát			(3.610.597.539)	(548.877.023)
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	27	722	1.167


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

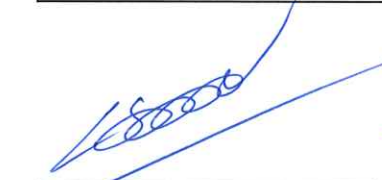
MẪU SỐ B 03a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
Quý I năm 2022

Đơn vị: VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý I	
			Năm 2022	Năm 2021
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		180.943.325.075	154.358.755.591
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		13.323.664.293	9.797.267.207
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(23.643.591.705)	(6.888.656.530)
- Chi phí lãi vay	06		34.780.775.695	7.589.140.040
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		205.404.173.358	164.856.506.308
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(1.089.198.090.054)	28.556.526.924
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		76.251.536.536	(575.707.974.378)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		343.045.524.649	193.774.326.367
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(9.910.926.758)	(1.579.104.350)
- Tiền lãi vay đã trả	14		7.561.690.058	(7.589.140.040)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(54.420.078.934)	(38.984.739.153)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(24.210.147.537)	(1.644.162.959)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(545.476.318.682)	(238.317.761.281)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(2.492.475.000)	(4.508.873.456)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(702.717.610.253)	(913.513.198.065)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		935.623.147.144	372.585.277.627
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.306.888.920	6.888.656.530
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		240.719.950.811	(538.548.137.364)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		1.646.736.363.368	1.933.430.892.172
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.390.957.501.132)	(1.060.718.702.448)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		255.778.862.236	872.712.189.724
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(48.977.505.635)	95.846.291.079
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		122.548.870.942	191.286.523.740
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		73.571.365.307	287.132.814.819


Nguyễn Công Sơn
Người lập biểu


Lê Thị Lan
Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ

Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ,
phường Láng Hạ, quận Đống Đa,
thành phố Hà Nội, Việt Nam

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Kinh doanh số 0101160306 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp ngày 20 tháng 8 năm 2001, thay đổi lần thứ 20 ngày 02 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại Tầng 1, tòa B Sky City, số 88 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty và các công ty con bao gồm:

- Tư vấn, môi giới bất động sản;
- Kinh doanh bất động sản, mua bán vật liệu xây dựng;
- Đầu tư, tư vấn, môi giới các dịch vụ tài chính;
- Môi giới thương mại; và
- Dịch vụ quản lý bất động sản;
- Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet và viễn thông;
- Quảng cáo và các dịch vụ liên quan đến quảng cáo;
- Tổ chức, giới thiệu và xúc tiến thương mại;
- Cổng thông tin (trừ hoạt động báo chí); và
- Hoạt động môi giới bản quyền, tư vấn dịch vụ quyền tác giả, quyền liên quan.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng .

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm ngày 31/03/2022 bao gồm:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty con				
Công ty TNHH TMDT Ngôi Nhà Thể Kỳ	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty Cổ phần Truyền thông và Giải trí Ngôi Sao Mới	Hà Nội	80,00%	80,00%	Cung cấp dịch vụ khai thác giá trị gia tăng trên mạng internet, quảng cáo, tổ chức giới thiệu xúc tiến thương mại, nghiên cứu thị trường
Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn	Tp. Hồ Chí Minh	80,00%	80,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty TNHH Cen Prime (Đổi tên từ Công ty Cổ phần M&I Thể Kỳ)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; tư vấn, môi giới, quản lý, quảng cáo bất động sản
Công ty TNHH Cen Cuckoo	Hà Nội	100,00%	100,00%	Dịch vụ Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN (đổi tên từ Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Thương hiệu CEN)	Hà Nội	100,00%	100,00%	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất
Công ty CP Cen Academy	Hà Nội	56,00%	56,00%	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Đào tạo, bồi dưỡng kiến thức hành nghề môi giới bất động sản, điều hành sàn giao dịch bất động sản - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn; - Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động của các tổ chức Đảng, tôn giáo)

Các công ty con gián tiếp được hợp nhất gián tiếp qua Công ty TNHH Quản lý đối tác liên kết CEN là:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty CP Cen Housing	TP Hà Nội, Việt Nam	49,28%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Vinh Phúc	Tỉnh Vinh Phúc, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Miền Trung	TP Đà Nẵng, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Hoạt động chính
		%	%	
Công ty CP Cen Bắc Ninh	Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Thanh Hóa	Tỉnh Thanh Hóa, Việt Na	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Hải Phòng	TP Hải Phòng, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Nghệ An	Tỉnh Nghệ An, Việt Nam	80,00%	80,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Hưng Yên	Tỉnh Hưng Yên, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Khánh Hòa	Tỉnh Khánh Hòa, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Quảng Ninh	Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty CP Cen Stay	TP Hà Nội, Việt Nam	100,00%	51,00%	Thương mại điện tử; Dịch vụ du lịch, lưu trú; Môi giới, tư vấn bất động sản; Các nhóm ngành liên quan khác.
Công ty CP Cen Zone	TP Hà Nội, Việt Nam	75,00%	75,00%	Hoạt động tư vấn đầu tư, tư vấn quản lý; Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất.
Công ty Cổ phần Cen Bình Định	Tỉnh Bình Định, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty Cổ phần Cen Đông Bắc	Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	52,58%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác
Công ty Cổ phần Cen Bình Thuận	Tỉnh Bình Thuận, Việt Nam	51,00%	51,00%	Môi giới, tư vấn, quản lý bất động sản và các ngành nghề hỗ trợ, liên quan khác

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho quý I năm 2022

3. CHẾ ĐỘ VÀ CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho quý I năm 2022. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa Công ty với các công ty con và giữa các công ty con với nhau được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ hoạt động phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

Các khoản đầu tư vào các công ty con mua trong năm được bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán "Hợp nhất kinh doanh" và "Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết".

Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho của Công ty chủ yếu phản ánh giá trị các hàng hóa bất động sản hình thành từ các dự án kinh doanh bất động sản do Công ty mua lại từ các chủ đầu tư, các hàng hóa bất động sản này sẽ được bán dưới hình thức chuyển giao quyền sở hữu cho người mua. Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp để có được hàng hóa bất động sản ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Kỳ này (Số năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 30
Máy móc thiết bị	05 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	03 - 05

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và các tài sản cố định vô hình khác. Các tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính là từ 3 đến 5 năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước chủ yếu bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ đã xuất dùng, chi phí sửa chữa văn phòng, và chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí môi giới trích trước,... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Ghi nhận doanh thu**Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	30.634.268.315	14.635.004.167
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	42.937.096.992	106.841.848.387
Tiền gửi tiết kiệm	-	1.072.018.388
	73.571.365.307	122.548.870.942

5. ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (i)	718.345.000.000	713.885.000.000
Đầu tư mua trái phiếu (ii)	60.057.004.609	748.682.883.188
	778.402.004.609	1.462.567.883.188

(i) Tại ngày 31/3/2022, các khoản tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng được gửi tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 4,9%/năm và toàn bộ các khoản tiền gửi có kỳ hạn này được dùng để đảm bảo các khoản vay.

(ii) Số dư trái phiếu nắm giữ tại thời điểm 31/3/2022 là các trái phiếu mua theo các Hợp đồng mua bán trái phiếu giữa Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT và Công ty Cổ phần Bất động sản Thể Kỳ, chi tiết như sau:

- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 2021092442705/24092021/HDMB-VAR ngày 24/9/2021:
 + Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Nam (TNGCB2122002) do Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Trung Nam phát hành;
 + Ngày phát hành trái phiếu: 16/8/2021; kỳ hạn 1 năm, lãi suất 9,5%/năm, mệnh giá 100.000 VNĐ;
 + Số lượng: 9.987 trái phiếu; giá mua: 101.178 VNĐ/trái phiếu.
- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 2021102546032/22102021/HDMB-VAR ngày 22/10/2021:
 + Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà phát hành đợt 3 năm 2020 (BHB202003) do Công ty Cổ phần Năng lượng Bắc Hà phát hành;
 + Ngày phát hành trái phiếu: 11/11/2020; kỳ hạn 3 năm, lãi suất 10%/năm, mệnh giá 100.000 VNĐ;
 + Số lượng: 214.934 trái phiếu; giá mua: 109.784 VNĐ/trái phiếu.
- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 2021111248155/12112021/HDMB-VAR ngày 12/11/2021:
 + Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần CMC (CVTB2125003) do Công ty Cổ phần CMC phát hành;
 + Ngày phát hành trái phiếu: 11/8/2021; kỳ hạn 4 năm, lãi suất 10,6%/năm, mệnh giá 100.000 VNĐ;
 + Số lượng: 139.645 trái phiếu; giá mua: 103.479 VNĐ/trái phiếu.
- Hợp đồng mua bán trái phiếu số 2022022358188/22022022/HDMB-VAR ngày 22/02/2022:
 + Tên trái phiếu: Trái phiếu Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A (IPAH2124003) do Công ty Cổ phần Tập đoàn đầu tư I.P.A phát hành;
 + Ngày phát hành trái phiếu: 20/12/2021; kỳ hạn 3 năm, lãi suất 9,5%/năm, mệnh giá 100.000 VNĐ;
 + Số lượng: 205.716 trái phiếu; giá mua: 102.082 VNĐ/trái phiếu.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land	3.203.741.368	3.123.843.294
Công ty Cổ phần Bitexco	33.306.427.132	73.439.188.860
Công Ty Cổ Phần VMF	7.434.598.470	1.583.660.390
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH NHÀ HINODE	34.463.039.778	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xuân Cầu	15.220.383.376	15.250.860.657
Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam	835.067.892	8.286.100.431
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	5.714.922.519	9.715.959.251
CÔNG TY CỔ PHẦN TRUNG SƠN BẮC	44.310.019.353	11.282.922.488
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN ĐẦU TƯ THẮNG LONG	7.907.707.755	9.736.122.505
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Bình Minh	21.918.853.293	180.541.229.839
Chi nhánh Hà Tây - Công ty CP Tập đoàn Nam Cường Hà Nội	24.179.118.934	36.738.948.297
Khách hàng mua dự án Khu dịch vụ và nhà nghỉ Xuân Thành (Hoa Tiên Paradise)	801.422.650.169	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	159.223.030.416	234.037.292.100
	1.159.139.560.455	583.736.128.112
Phải thu khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	23.058.564.116	20.859.524.874

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	36.243.864.371	-
Hợp tác xã Thành Công	159.524.805.062	255.044.962.526
Công ty cổ phần công nghệ quốc tế G-Tech	2.576.168.000	-
Các đối tượng khác	10.261.665.373	11.002.517.675
	208.606.502.806	266.047.480.201
Trả trước người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	36.318.864.369	74.999.998

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn	253.760.700.000	103.760.700.000
Công ty cổ phần tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn	3.760.700.000	3.760.700.000
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	250.000.000.000	100.000.000.000
	253.760.700.000	103.760.700.000
Phải thu cho vay là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	250.000.000.000	100.000.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
Công ty Cổ phần Dịch vụ và đầu tư Trustlink	583.620.341.688	281.200.000.000
	583.620.341.688	281.200.000.000

9. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
a. Ngắn hạn		
Công ty CP Dịch vụ và Đầu tư Trustlink	32.585.526.862	23.813.402.739
Công ty CP Bất Động Sản Galaxy Land (i)	1.011.921.100.000	762.921.100.000
Công ty TNHH Nam Hồng	1.682.930.936	1.682.930.936
Tạm ứng	86.583.876.937	86.366.345.079
Ký quỹ, ký cược	145.571.109.663	166.500.305.163
Trong đó:		
- Công ty CP tư vấn thiết kế và đầu tư xây dựng Đại Nam Sơn	52.650.639.863	52.650.639.863
- Công ty CP Thiên Phúc Điền	15.970.000.000	15.970.000.000
- Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Lê Phong (ii)	47.031.165.300	47.031.165.300
- Các đối tượng khác	29.919.304.500	50.848.500.000
Phải thu khác	207.691.074.591	39.053.825.902
	1.486.035.618.989	1.078.654.978.883
b. Dài hạn		
Tạm ứng	119.626.800.000	109.426.800.000
+ Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ (iii)	119.626.800.000	109.426.800.000
Ký quỹ, ký cược	1.528.144.053.333	1.374.489.058.333
Tiền đảm bảo làm tổng đại lý phân phối các dự án (iv)	1.524.356.105.613	1.325.767.976.976
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	947.603.184.944	929.103.184.944
+ Công ty TNHH Gamuda Land Vietnam	17.237.187.032	17.042.187.032
+ Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ khách sạn Soleil	22.550.000.000	22.550.000.000
+ Công ty Cổ phần Veracity	-	7.150.000.000
+ Công ty Cổ phần Bitexco	11.550.000.000	11.550.000.000
+ Công ty CP Tid	50.000.000.000	50.000.000.000
+ Công ty CP Đạt Phương Hội An	15.900.000.000	15.900.000.000
+ 'Công ty TNHH Âu Lạc Quảng Ninh	358.000.000.000	200.000.000.000
+ CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN NHÀ BÌNH MINH	21.000.000.000	-
+ 'Công ty Cổ phần Tập đoàn Dabaco Việt Nam	25.000.000.000	25.000.000.000
+ Các đối tượng khác	55.515.733.637	47.472.605.000
- Ký cược, ký quỹ khác	3.787.947.720	48.721.081.357
	1.647.770.853.333	1.483.915.858.333
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	1.048.729.984.944	1.038.529.984.944

- (i) Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 30122020 ngày 30/12/2020 và Hợp đồng hợp tác đầu tư số 08042021/HĐHTĐT/GLX-CRE-TL giữa Công ty Cổ phần Bất động sản Galaxy Land (Galaxy Land), Công ty Cổ phần Dịch vụ và Đầu tư Trustlink (Trustlink) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (Cen Land)
- Mục đích hợp tác đầu tư: hợp tác đầu tư và kinh doanh đối với các bất động sản thuộc Dự án khu đô thị mới Hoàng Văn Thụ do Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai làm chủ đầu tư.
 - Nội dung hợp tác: thanh toán tiền đặt cọc cho Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần đầu tư phát triển đô thị Hoàng Mai theo hợp đồng môi giới giữa Chủ đầu tư này và Galaxy.
 - Tỷ lệ góp: Trustlink góp 30%, Cen Land và Galaxy góp 70%.
 - Phương án phân chia kết quả kinh doanh: mỗi bên sẽ được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối kỳ hợp tác đầu tư hoặc khi Galaxy và Cen Land đã phân phối hết các sản phẩm thuộc Dự án và nhận được toàn bộ doanh thu hoặc được tạm ứng.
 - Thời hạn hợp tác đầu tư: dự kiến là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác đầu tư.
- (ii) Khoản đặt cọc của Công ty Cổ phần Bất động sản Cen Sài Gòn (Cen Sài Gòn) với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Lê Phong (Lê Phong): đặt cọc đảm bảo phân phối độc quyền 150 nền đất thuộc Khu dân cư Lê Phong Thuận Giao theo Hợp đồng số 366/HĐ-DA/2019 giữa Lê Phong và Cen Sài Gòn ký ngày 24/09/2019. Theo đó, Lê Phong chuyển nhượng quyền sử dụng 150 lô đất nền nhà khu dân cư Lê Phong Thuận Giao (Thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương) cho Cen Sài Gòn, tổng diện tích 11.137,97 m², tổng giá trị 313.541.102.000 đồng. Lê Phong kiện Cen Sài Gòn do Cen Sài Gòn thanh toán không đúng tiến độ theo thỏa thuận. Vụ án đã được xét xử phúc thẩm và sơ thẩm. Ngày 26/05/2021, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có phán quyết về Bản án dân sự phúc thẩm. Tại ngày 31/12/2021, Cen Sài Gòn đã trích lập dự phòng 100% đối với khoản đặt cọc nêu trên.
- (iii) Hợp đồng hợp tác đầu tư số 072021/HĐ-HTĐT/TL-CIV-CRE ngày 16/7/2021 giữa Công ty Cổ phần Đầu tư và phát triển bất động sản Thế kỷ (Cen Invest), Công ty Cổ phần dịch vụ và đầu tư Trustlink (Trustlink) và Công ty Cổ phần Bất động sản Thế kỷ (Cen Land)
- Mục đích hợp tác đầu tư: thực hiện phát triển, kinh doanh và khai thác Dự án đầu tư xây dựng khu nhà ở hoàn trả vốn dự án đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật khu trung tâm hành chính, trụ sở UBND và đường trục trung tâm xã Đông Tiến, huyện Yên Phong theo hình thức BT theo quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư số 667/QĐ-UBND ngày 29/11/2017 của UBND tỉnh Bắc Ninh và các lần điều chỉnh (nếu có).
 - Tỷ lệ góp: Trustlink góp 30%, Cen Land góp 60% và Cen Invest góp 10%.
 - Phương án phân chia kết quả kinh doanh: mỗi bên sẽ được hưởng lợi nhuận theo tỷ lệ góp vốn, việc phân chia lợi nhuận sẽ được thực hiện vào cuối kỳ hợp tác đầu tư hoặc khi Cen Invest đã phân phối hết các sản phẩm thuộc Dự án và nhận được toàn bộ doanh thu hoặc được tạm ứng.
 - Thời hạn hợp tác đầu tư: kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác đầu tư đến khi Cen Invest và Chủ đầu tư phân phối hết các sản phẩm của Dự án hoặc đến hết 36 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hợp tác đầu tư, tùy theo thời điểm nào đến trước.
- (iv) Chủ yếu bao gồm các khoản tiền đặt cọc đảm bảo thực hiện hợp đồng mà Công ty đã trả cho các chủ đầu tư, để thực hiện vai trò tổng đại lý phân phối sản phẩm bất động sản hình thành từ các dự án.

10. NỢ XẤU

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Phải thu khó có khả năng thu hồi	55.105.212.300	-	55.105.212.300	-
Công ty TNHH Địa ốc Gia Phú	5.391.000.324	-	5.391.000.324	-
Công ty TNHH Giải pháp và Công nghệ An Thịnh	384.300.000	-	384.300.000	-
Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Tây Hồ	106.244.294	-	106.244.294	-
Công ty Cổ phần Bất động sản Thăng Long	60.615.000	-	60.615.000	-
Công ty Cổ phần TID	343.870.941	-	343.870.941	-
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	39.683.691	-	39.683.691	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Bảo Việt	45.898.815	-	45.898.815	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Phú Long	1.470.000.000	-	1.470.000.000	-
Công ty Cổ phần dịch vụ Bất động sản Sao Việt	55.378.595	-	55.378.595	-
Công ty TNHH Đầu tư và phát triển Lê Phong	47.031.165.300	-	47.031.165.300	-
Các đối tượng khác	177.055.340	-	177.055.340	-

Giá trị có thể thu hồi được xác định bằng giá gốc các khoản phải thu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

11. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng hóa bất động sản (i)	415.342.037.881	-	497.590.148.541	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	10.298.165.940	-	4.250.704.726	-
Hoàng hóa khác	-	-	50.887.090	-
Cộng	425.640.203.821	-	501.891.740.357	-

(i) Phản ánh giá trị các bất động sản bao gồm các căn hộ, đất nền Công ty mua từ chủ đầu tư để thực hiện kinh doanh bán lại.

12. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ	1.511.722.089	810.230.865
Chi phí sửa chữa văn phòng	467.177.953	352.753.565
Chi phí thuê văn phòng	2.867.169.063	3.320.728.061
Chi phí khác	21.994.978.231	13.027.815.935
	26.841.047.336	17.511.528.426
b) Dài hạn		
Công cụ dụng cụ	3.781.960.928	8.984.848.695
Chi phí sửa chữa văn phòng	34.546.291.679	29.512.472.759
Chi phí trả trước dài hạn khác	8.362.642.917	7.612.166.222
	46.690.895.524	46.109.487.676

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

a) Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình:

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Số đầu kỳ	116.479.910.561	1.866.657.272	48.685.052.404	17.244.339.605	184.275.959.842
Mua sắm mới	-	-	-	43.575.000	43.575.000
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	116.479.910.561	1.866.657.272	48.685.052.404	17.287.914.605	184.319.534.842
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số đầu kỳ	12.416.079.279	1.087.055.073	19.290.242.567	11.007.100.843	43.800.477.762
Trích khấu hao trong kỳ	1.176.324.768	71.019.009	1.505.921.809	802.581.345	3.555.846.931
Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	13.592.404.047	1.158.074.082	20.796.164.376	11.809.682.188	47.356.324.693
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số cuối kỳ	102.887.506.514	708.583.190	27.888.888.028	5.478.232.417	136.963.210.149
Số đầu kỳ	104.063.831.282	779.602.199	29.394.809.837	6.237.238.762	140.475.482.080

b) Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình:

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ				
Số đầu kỳ	11.995.200.171	147.046.556.769	431.347.273	159.473.104.213
Mua sắm mới	-	-	-	-
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	11.995.200.171	147.046.556.769	431.347.273	159.473.104.213
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số đầu kỳ	-	64.675.939.702	431.347.273	65.107.286.975
Trích khấu hao trong kỳ	-	9.767.817.362	-	9.767.817.362
Tăng khác	-	-	-	-
Số cuối kỳ	-	74.443.757.064	431.347.273	74.875.104.337
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Số cuối kỳ	11.995.200.171	72.602.799.705	-	84.597.999.876
Số đầu kỳ	11.995.200.171	82.370.617.067	-	94.365.817.238

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
- Mua sắm (i)	6.724.529.594	6.724.529.594
- Xây dựng cơ bản	460.539.560	
	7.185.069.154	6.724.529.594

- (i) Phản ánh giá trị của phần mềm quản lý Công ty đang xây dựng để đưa vào sử dụng trong thời gian tới.

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
	VND	VND	VND	VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty CP BĐS Newlife	-	-	5.219.692.396	5.219.692.396
Công ty CP Tập đoàn Thế Kỷ	9.441.803.297	9.441.803.297	6.148.241.004	6.148.241.004
Công ty CP Công nghệ Quốc Tế G-Tech	250.000.000	250.000.000	9.985.000.000	9.985.000.000
Công ty CP Bất Động Sản Galaxy Land	5.085.993.748	5.085.993.748	4.091.860.240	4.091.860.240
Công ty cổ phần đầu tư và phát triển bất động sản Thế Kỷ	3.645.794.904	3.645.794.904	4.645.794.904	4.645.794.904
Các đối tượng khác	81.174.361.645	81.174.361.645	63.880.165.783	63.880.165.783
	99.597.953.594	99.597.953.594	93.970.754.327	93.970.754.327
Phải trả người bán là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	17.821.845.978	17.821.845.978	26.753.435.326	26.753.435.326

16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Công ty cổ phần đầu tư bất động sản Mỹ Đình	9.572.124.801	9.572.124.801
Công ty CP Xây lắp Sunshine E&C	2.673.472.536	2.673.472.536
Công ty Cổ phần Kinh doanh nhà Sunshine	3.260.286.352	3.260.286.352
CÔNG TY CỔ PHẦN KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN FLAMINGO	-	8.888.370.682
Công ty Cổ phần phát triển nhà Bình Minh	410.464.546.111	-
Khách hàng mua Dự án A C-Skyview	23.235.223.191	14.952.370.682
Khách hàng mua Dự án Tòa nhà HTX Thành Công (Trinity Tower)	40.000.453	90.475.383.008
Các đối tượng khác	13.605.749.448	7.384.927.073
	462.851.402.892	137.206.935.134

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Chi tiêu	Phát sinh trong kỳ			
	Số đầu kỳ	Số phải nộp	Số đã nộp	Số cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	74.350.529.402	72.407.006.540	81.325.490.688	65.432.045.254
Thuế thu nhập doanh nghiệp	98.917.669.604	38.613.167.296	54.420.078.934	83.110.757.966
Thuế thu nhập cá nhân	79.744.514.193	26.892.262.108	34.031.064.571	72.605.711.730
Các loại thuế khác	20.747.976	920.750.832	927.752.829	13.745.979
Cộng	253.033.461.175	138.833.186.776	170.704.387.022	221.162.260.929

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Chi phí môi giới phải trả cho sàn liên kết	25.751.078.450	9.331.101.019
Chi phí hỗ trợ lãi suất cho khách hàng	211.953.107.496	41.077.184.523
Lãi vay, lãi trái phiếu phải trả	12.554.794.517	42.342.465.753
Chi phí phải trả khác	12.408.406.616	309.715.703
	262.667.387.079	93.060.466.998

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	565.551.011	565.551.011
Bảo hiểm xã hội	387.061.756	338.461.090
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	16.432.617.303	18.051.352.931
Tiền đặt cọc mua căn hộ (i)	116.594.004.618	110.809.050.297
Phải trả khác	109.400.043.396	278.398.623.158
	243.379.278.084	408.163.038.487
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	4.345.036.152	2.744.204.152
	4.345.036.152	2.744.204.152

(i) Phản ánh số tiền đặt cọc mua căn hộ, liền kề, biệt thự... của các khách hàng tại các dự án do Công ty phân phối.

20. VAY NGẮN HẠN VÀ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.021.526.237.011	765.747.374.775
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Galaxy Land	12.000.000.000	12.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (i)	213.675.435.133	116.338.747.772
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thái Hà (Vay thấu chi)	491.400.000.000	319.040.000.000
Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Thanh Xuân	63.000.000.000	69.187.596.076
Ngân hàng Vietinbank - Chi nhánh Đống Đa (ii)	53.859.353.878	64.732.200.927
Ngân hàng VPBank (iii)	187.591.448.000	184.448.830.000
	1.021.526.237.011	765.747.374.775
Vay dài và nợ thuê tài chính dài hạn		
Công ty CP chứng khoán VNDIRECT (iv)	950.000.000.000	950.000.000.000
	950.000.000.000	950.000.000.000

- (i) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thái Hà theo:
- Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2021/352851/HĐTD ngày 31/08/2021 được sử dụng: bổ sung vốn lưu động, mở L/C, phát hành bảo lãnh phục vụ cho hoạt động môi giới bất động sản (chi phí hoa hồng trả sàn liên kết) và các chi phí quản lý doanh nghiệp (tiền lương, thưởng...); chi phí bán hàng (marketing, quảng cáo, truyền thông...) không bao gồm nhu cầu vay vốn kinh doanh bất động sản thứ cấp, hợp tác đầu tư bất động sản. Tài sản đảm bảo của khoản vay:
- Căn hộ B0607 Tòa B - Tòa nhà Sky city Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội;
 - 03 (Ba) căn Shop House Dự án The K Park;
 - 02 (Hai) sàn dịch vụ tại ô C11-ODK4, Khu chung cư @Homes thuộc Dự án Khu nhà ở xã hội, P.Yên Sở, Q.Hoàng Mai, TP Hà Nội;
 - Căn B2406, tòa B – Tòa nhà Sky city Tower 88 Láng Hạ, P.Láng Hạ, Q.Đống Đa, TP Hà Nội;
 - 05 (Năm) sàn kinh doanh dịch vụ, thương mại tại Khu chung cư cao tầng CT7 - Dự án tổ hợp chung cư cao tầng – NCG Residential, Khu đô thị mới Dương Nội, P.Dương Nội, Q.Hà Đông, TP Hà Nội;
 - Sàn thương mại Dolphin - 28 Trần Bình - Hà Nội
 - 03 (Ba) thửa đất và tài sản gắn liền trên đất tại P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP Hà Nội.
- (ii) Vay ngắn hạn từ Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam Chi nhánh Đống Đa theo Hợp đồng cho vay hạn mức số: 87/2021-HĐCVHM/NHCT126 ngày 09 tháng 8 năm 2021 với hạn mức 100 tỷ VNĐ được sử dụng: bổ sung vốn lưu động phục vụ cho hoạt động kinh doanh môi giới bất động sản. Hạn mức cho vay bao gồm cả các khoản nợ của Hợp đồng cho vay hạn mức số: 92/2020/HĐCVHM/NHCT126-BDS THẾ KỲ ngày 17 tháng 12 năm 2020. Ngày rút vốn lần đầu là ngày 24 tháng 12 năm 2020, số tiền: 16,06 tỷ VNĐ để chi trả thù lao cho người lao động, thời hạn vay 6 tháng, ngày đáo hạn là ngày 24 tháng 6 năm 2021. Lãi suất vay: 5,1%/năm.
- Tài sản đảm bảo của khoản vay:
- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 02; tờ bản đồ số 19+20+33.

- Địa chỉ: dự án công trình tổ hợp dịch vụ thương mại, văn phòng và nhà ở tại ô đất 4.5NO Đường Lê Văn Lương, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội.
- (iii) Vay vốn ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng:
 - Vay vốn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mục đích: tài trợ tiền mua tối đa 201 căn hộ tại Dự án C – Sky View của Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần C-Holdings
 - Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay: 199 hợp đồng mua bán các căn hộ tại Dự án C – Sky View.
 - Thời hạn vay tối đa 24 tháng.
 - Lãi suất: 10%/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần.
 - Rút vốn một lần vào ngày 07/07/2021, số tiền: 181.252.830.000 VNĐ.
 - Vay vốn Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với mục đích: Mua căn hộ tại DA Casamia của Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Đạt Phương Hội An
 - Tài sản đảm bảo của hợp đồng vay: 02 hợp đồng mua bán các căn hộ tại Dự án Casamia Hội An - Thời hạn vay tối đa 24 tháng.
 - Lãi suất: 9 %/năm và được điều chỉnh 03 tháng/lần.
 - Rút vốn lần 1 vào ngày 05/11/2021, số tiền: 4.938.400.000 VNĐ.
 - Rút vốn lần 2 vào ngày 26/01/2022, số tiền: 1.571.309.000 VNĐ
 - Rút vốn lần 3 vào ngày 16/03/2022, số tiền: 1.571.309.000 VNĐ
- (iv) Phát hành trái phiếu riêng lẻ gồm:
 - Phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động của Công ty, phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, đầu tư thứ cấp các Dự án bất động sản, cho vay để góp vốn vào các Dự án bất động sản. Theo đó:
 - Tổng giá trị phát hành: 450 tỷ VNĐ;
 - Mệnh giá: 100.000 VNĐ/trái phiếu;
 - Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm kể từ ngày phát hành;
 - Lãi suất: năm đầu tiên cố định 10,5%/năm. Các năm sau: thả nổi được điều chỉnh 12 tháng/lần và được xác định bằng bình quân lãi suất huy động tiết kiệm dân cư kỳ hạn 12 tháng trả sau của 4 ngân hàng gồm: ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (Sở giao dịch), Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam (Sở giao dịch) + 4%/năm. Tuy nhiên lãi suất thả nổi này không thấp hơn 10,5%/năm.
 - Phát hành trái phiếu riêng lẻ cho Công ty Cổ phần chứng khoán VNDIRECT với mục đích tăng quy mô vốn hoạt động nhằm mở rộng các hoạt động kinh doanh hiện hữu, đầu tư các dự án mới và cá mục đích hợp pháp khác. Theo đó:
 - Tổng giá trị phát hành: 500 tỷ VNĐ;
 - Mệnh giá: 100.000 VNĐ/trái phiếu;
 - Kỳ hạn trái phiếu: 3 năm kể từ ngày phát hành: 26/3/2021;
 - Lãi suất: cố định 11%/năm.

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Kỳ hoạt động Quý 1 năm 2021

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Vốn khác	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND		VND		VND	VND	VND
Số dư đầu kỳ trước	800.000.000.000	150.000.000.000	(1.080.000)	69.420.028.780	45.243.750.000	950.113.944.684	29.521.213.590	2.044.297.857.054
Phát hành cổ phiếu	159.999.080.000	-	-	-	-	-	-	159.999.080.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	123.232.426.476	(548.877.023)	122.683.549.453
Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	(159.999.080.000)	-	(159.999.080.000)
Khác				880.917.969	8.881.250.000	(10.290.710.424)	3.104.417.190	2.575.874.735
Số dư cuối kỳ trước	959.999.080.000	150.000.000.000	(1.080.000)	70.300.946.749	54.125.000.000	903.056.580.736	32.076.753.757	2.169.557.281.242

Kỳ hoạt động Quý 1 năm 2022

Số dư đầu kỳ này	2.015.995.570.000	149.799.450.000	(1.080.000)	99.974.426.913	54.125.000.000	1.091.343.550.880	27.095.489.672	3.438.332.407.465
Tăng vốn trong kỳ								-
Lợi nhuận trong kỳ						145.490.944.507	(3.610.597.539)	141.880.346.968
Khác						(628.434.710)		(628.434.710)
Số dư cuối kỳ này	2.015.995.570.000	149.799.450.000	(1.080.000)	99.974.426.913	54.125.000.000	1.236.206.060.677	23.484.892.133	3.579.584.319.723

Vốn điều lệ

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2022, số cổ phiếu đang lưu hành như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu kỳ</u>
Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		
+) Cổ phiếu phổ thông	201.599.557	201.599.557
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ		
+) Cổ phiếu phổ thông	108	108
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
+) Cổ phiếu phổ thông	201.599.449	201.599.449
+) Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

22. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬNBộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam; do vậy, Công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý ngoài Việt Nam.

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, Công ty tổ chức các hoạt động kinh doanh theo từng lĩnh vực trên cơ sở các công ty con hoạt động tương đối riêng biệt.

Hoạt động theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm các bộ phận như sau:

- Các dịch vụ liên quan đến môi giới bất động sản;
- Các dịch vụ khác;

Các thông tin bộ phận về hoạt động kinh doanh của Công ty như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2021

	Dịch vụ môi giới và đầu tư bất động sản	Dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	2.148.306.946.416	21.874.527.888	(129.304.245.824)	2.040.877.228.480
Chi phí kinh doanh	1.991.449.845.055	21.787.923.385	(129.304.245.824)	1.883.933.522.616
- Giá vốn hàng bán	1.899.207.541.720	8.971.678.864	(128.051.662.661)	1.780.127.557.923
- Chi phí bán hàng	42.781.367.204	-	-	42.781.367.204
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	49.460.936.131	12.816.244.521	(1.252.583.163)	61.024.597.489
Kết quả hoạt động kinh doanh	156.857.101.361	151.005.381.320	-	156.943.705.864
Doanh thu hoạt động tài chính				6.888.656.530
Chi phí tài chính				7.589.140.040
Lỗ/Lãi khác				(1.884.466.763)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				154.358.755.591
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				31.675.206.138
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				122.683.549.453

Kết quả kinh doanh hợp nhất quý 1 năm 2022

	Dịch vụ môi giới và đầu tư bất động sản	Dịch vụ khác	Loại trừ nội bộ và điều chỉnh	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu				
Tổng doanh thu thuần	2.036.179.273.350	16.268.978.978	(110.237.275.900)	1.942.210.976.428
Chi phí kinh doanh	1.843.129.154.768	15.654.750.617	(110.237.275.900)	1.748.546.629.485
- Giá vốn hàng bán	1.581.235.152.360	11.221.598.655	(109.209.891.834)	1.483.246.859.181
- Chi phí bán hàng	198.512.089.974	692.845.936	(681.637.688)	198.523.298.222
- Chi phí quản lý doanh nghiệp	63.381.912.434	3.740.306.026	(345.746.378)	66.776.472.082
Kết quả hoạt động kinh doanh	193.050.118.582	614.228.361	-	193.664.346.943
Doanh thu hoạt động tài chính				23.643.591.705
Chi phí tài chính				34.780.775.695
Lỗ/Lãi khác				(1.583.837.878)
Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp				180.943.325.075
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				39.062.978.107
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				141.880.346.968

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.942.210.976.428	2.040.877.228.480
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu môi giới bất động sản	286.033.476.473	381.682.363.507
Doanh thu đầu tư bất động sản	1.643.195.032.754	1.649.632.346.729
Doanh thu dịch vụ MKT, cho thuê văn phòng và doanh thu hoạt động khác	12.982.467.201	9.562.518.244
	1.942.210.976.428	2.040.877.228.480
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	13.823.825.107	3.651.520.768
Doanh thu hoạt động tài chính		
	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	18.825.307.750	5.804.466.132
Lãi đầu tư trái phiếu	4.818.283.955	1.084.190.398
	23.643.591.705	6.888.656.530
Doanh thu phát sinh trong kỳ với các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 26)	2.554.438.357	383.717.611

24. GIÁ VỐN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn môi giới bất động sản	197.975.976.002	252.938.230.248
Giá vốn đầu tư bất động sản	1.279.113.307.078	1.520.904.837.541
Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng và khác	6.157.576.101	6.284.490.134
	1.483.246.859.181	1.780.127.557.923

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Kỳ này	Kỳ trước
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	145.490.944.507	123.232.426.476
Trích Quỹ Khen thưởng phúc lợi theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông (VND)		
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	145.490.944.507	123.232.426.476
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ	201.595.557	105.599.757
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	722	1.167

26. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong kỳ:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	Công ty mẹ/Công ty có cổ phần chi phối
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	Cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	Ông Vương Văn Tường là CT HĐQT
và các thành viên thuộc Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và người liên quan	

Trong kỳ, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

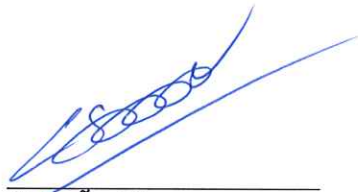
	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản	6.479.191.214	1.633.901.344
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	509.750.001	26.045.000
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	214.780.563	396.584.542
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	550.980.708	1.118.495.457
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	4.563.685.745	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	1.505.436.876	476.494.425
	13.823.825.107	3.651.520.768
Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi cho vay, lãi tiền gửi	2.554.438.357	383.717.611
	2.554.438.357	383.717.611
	<u>Kỳ này</u> <u>VND</u>	<u>Kỳ trước</u> <u>VND</u>
Giá trị hàng mua và dịch vụ cung cấp		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	62.721.653	590.677.728
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	9.262.589.173	8.509.600.564
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	-	8.251.481.627
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	933.359.965.805	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế Kỷ	-	77.676.248.766
	942.685.276.631	95.028.008.685

CÔNG TY CỔ PHẦN BẤT ĐỘNG SẢN THẾ KỶ
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09a-DN/HN

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	1.747.050.475	1.186.325.473
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản	9.982.741.882	13.164.134.587
Công ty Cổ phần Thẩm định giá Thế kỷ	106.376.648	106.376.648
Công ty Cổ phần Dolphin 2 Việt Nam	4.129.847.087	3.523.768.308
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	6.534.000	6.534.000
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	2.557.647.602	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	4.528.366.422	2.872.385.858
	23.058.564.116	20.859.524.874
Phải trả người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	13.275.496.316	12.843.630.198
Công ty Cổ phần Dịch vụ Golf và Lữ hành Thế kỷ	900.554.758	9.264.010.224
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	3.645.794.904	4.645.794.904
	17.821.845.978	26.753.435.326
	Số cuối kỳ VND	Số đầu kỳ VND
Phải thu khác		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	1.048.729.984.944	1.038.529.984.944
	1.048.729.984.944	1.038.529.984.944
Phải thu về cho vay ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Bất động sản Thế kỷ	250.000.000.000	100.000.000.000
	250.000.000.000	100.000.000.000
Trả trước cho người bán ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Hồng Lam Xuân Thành	36.243.864.371	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Gia tăng Bất động sản Thế kỷ	74.999.998	74.999.998
	36.318.864.369	74.999.998
Chi phí phải trả ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Thế kỷ	7.524.038.242	1.693.228.070
	7.524.038.242	1.693.228.070


Nguyễn Công Sơn
 Người lập biểu


Lê Thị Lan
 Kế toán trưởng




Chu Hữu Chiến
 Tổng Giám đốc

Ngày 22 tháng 04 năm 2022